

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 272/2018/DS-ST

Ngày: 16/8/2018

V/v: “Tranh chấp hợp đồng

Thẻ tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Linh
2. Bà Nguyễn Thị Bông Hường

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Trung Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 13/2018/TLST-DS ngày 11 tháng 01 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 158/2018/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 113/2018/QĐST-DS ngày 31 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank).

Trụ sở: 266-268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 8, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức Thạch Diễm – Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh, sinh năm 1983

Giấy ủy quyền số 1666/2017/UQ-TTT ngày 29/03/2017

Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Lê Thị D, sinh năm 1959

Địa chỉ: 113 đường D, phường T, quận T, Thành phố H.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Kim Oanh là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín trình bày:

Bà Lê Thị D có ký Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/11/2008, 21/3/2011 và 07/5/2015; Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng

thẻ tín dụng của ngân hàng với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (sau đây gọi tắt là Ngân hàng). Căn cứ thu nhập của bà D, ngân hàng đồng ý cấp 03 thẻ tín dụng cụ thể: Visa Ladies First số thẻ 486265-9211 hạn mức 20.000.000 đồng ngày 17/11/2008; Visa Credit Gold số thẻ 472075-5839 hạn mức 100.000.000 đồng ngày 24/3/2011; JCB Car Card số thẻ 356481-8090 hạn mức 100.000.000 đồng ngày 07/4/2014. Sau đó tháng 5/2015 ngân hàng nâng hạn mức sử dụng của 03 nêu trên lên 200.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Thực hiện hợp đồng, bà D đã giao dịch nhiều lần với tổng số tiền 2.571.112.735 đồng, bà D đã thanh toán 2.587.618.115 đồng. Bà D còn nợ số tiền là 258.776.298 đồng, qua nhiều lần làm việc và nhắc nhở nhưng bà D không có thiện chí thanh toán như thỏa thuận. Tại bản tự khai ngày 03/4/2018 và bảng tóm tắt sao kê từ ngày 19/4/2018 đến 31/7/2018, bà D còn nợ số tiền gốc 225.720.296 đồng, lãi quá hạn 62.721.470 đồng, tổng cộng 288.441.766 đồng.

Do bà D vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D phải thanh toán số nợ theo Hợp đồng là 288.441.766 (*Hai trăm tám mươi tám triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn bảy trăm sáu mươi sáu*) đồng; Trong đó: nợ gốc là 225.720.296 (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ngàn hai trăm chín mươi sáu*) đồng; nợ lãi quá hạn là 62.721.470 (*Sáu mươi hai triệu bảy trăm hai mươi một ngàn bốn trăm bảy mươi*) đồng và tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc; thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn bà Lê Thị D đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, bị đơn bà Lê Thị D cố tình vắng mặt không lý do cũng không có văn bản ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia tố tụng tại phiên tòa.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn do bà Nguyễn Thị Kim Oanh đại diện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc bà D phải thanh toán số nợ còn lại theo Hợp đồng tính đến ngày 16/8/2018 là 325.719.606 (*Ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm mười chín ngàn sáu trăm sáu*) đồng; Trong đó: nợ gốc là 225.720.296 (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ngàn hai trăm chín mươi sáu*) đồng; Nợ lãi quá hạn là 99.999.310 (*Chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn ba trăm mười ngàn*) đồng.

Bị đơn là bà Lê Thị D vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận T thành phố H phát biểu quan điểm:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 21, 26, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 171, 173, 177, 220, 228, 234, 239, 248, 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Nhận thấy tại Hợp đồng thể hiện bà D ký với Ngân hàng là tự nguyện, không trái với quy định pháp luật, quá trình thực hiện hợp đồng bà D đã không thanh toán đầy đủ số tiền gốc là lãi theo như thỏa thuận, vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà D thanh toán số

tiền 325.719.606 (*Ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm mười chín ngàn sáu trăm sáu*) đồng; Trong đó: nợ gốc là 225.720.296 (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ngàn hai trăm chín mươi sáu*) đồng; nợ lãi quá hạn là 99.999.310 (*Chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn ba trăm mười ngàn*) đồng là có cơ sở. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà D đến Tòa án để giải quyết nhưng bà D không đến Tòa và không cung cấp chứng cứ gì cho Tòa án, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét Đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu bị đơn bà Lê Thị D phải có trách nhiệm thanh toán số tiền 325.719.606 (*Ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm mười chín ngàn sáu trăm sáu*) đồng theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/11/2008, 21/3/2011 và 07/5/2015, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng.

Căn cứ Phiếu xác minh ngày 05/4/2018, cơ quan công an phường T, quận T, thành phố H xác minh: Đương sự Lê Thị D có hộ khẩu thường trú tại Địa chỉ: 113 đường D, phường T, quận T, Thành phố H, sinh sống tại địa phương từ năm 1992 cho đến tháng 8/2017 bỏ địa phương đi đâu không rõ. Ngân hàng khởi kiện bà D có nơi cư trú cuối cùng tại quận T, Thành phố H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận T theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; điểm d khoản 4 Điều 189 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn bà Lê Thị D đã được Tòa án tổng đạt và niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 5 Điều 177 và Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà D vẫn vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng; Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bà D.

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt, giao nhận văn bản tố tụng đối với bà Lê Thị D là bị đơn trong vụ án theo quy định tại các điều 170, 171, 172, 173 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng bà D vắng mặt mà không thuộc trường hợp bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; đồng thời bà D không có văn bản trình bày ý kiến khi nhận được thông báo thụ lý vụ án được quy định tại Điều 199 và thực hiện quyền, nghĩa vụ của bị đơn theo Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ: Giấy Đề nghị cấp thẻ

tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/11/2008, 21/3/2011 và 07/5/2015; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng; 03 thẻ tín dụng cụ thể: Visa Ladies First số thẻ 486265-9211 ngày 17/11/2008; Visa Credit Gold số thẻ 472075-5839 ngày 24/3/2011; JCB Car Card số thẻ 356481-8090 ngày 07/4/2014 do ngân hàng cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án.

Tại Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/11/2008, 21/3/2011 và 07/5/2015; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng bà D ký với Ngân hàng thì sự thỏa thuận của các bên đương sự là tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định của pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 386 và Điều 388 Bộ luật dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình thực hiện Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên, bà D là bên vi phạm hợp đồng không trả nợ gốc và nợ lãi đúng hạn theo thỏa thuận cho thấy bị đơn không có thiện chí, việc kéo dài thời gian sẽ gây thiệt thòi đến quyền lợi của nguyên đơn nên Ngân hàng yêu cầu bà D thanh toán số tiền tổng cộng 325.719.606 (*Ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm mười chín ngàn sáu trăm sáu*) đồng; Trong đó: nợ gốc 225.720.296 (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ngàn hai trăm chín mươi sáu*) đồng; nợ lãi quá hạn là 99.999.310 (*Chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn ba trăm mười ngàn*) đồng và thanh toán một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, đúng pháp luật phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Ngoài ra, bị đơn còn phải tiếp tục trả lãi từ ngày 17/8/2018 cho đến khi trả xong nợ theo mức lãi thỏa thuận trong Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 06/11/2008, 21/3/2011 và 07/5/2015; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng. Trường hợp trong các Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng nêu trên, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng nên lãi suất mà bà D phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được Tòa án chấp nhận, nên bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.285.980 đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí 6.469.408 đồng cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 5 Điều 177, Điều 179, khoản 3 Điều 228, Điều 271 Bộ Luật Tố tụng dân sự; Điều 385, Điều 386 và Điều 388 Bộ luật dân sự; Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân

hàng Nhà nước về việc ban hành quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng; Luật phí và lệ phí năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank).

Buộc bà Lê Thị D thanh toán nợ theo Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/11/2008, 21/3/2011 và 07/5/2015; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng; 03 thẻ tín dụng cụ thể: Visa Ladies First số thẻ 486265-9211 ngày 17/11/2008; Visa Credit Gold số thẻ 472075-5839 ngày 24/3/2011; JCB Car Card số thẻ 356481-8090 ngày 07/4/2014 cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank) số tiền 325.719.606 (*Ba trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm mười chín ngàn sáu trăm sáu*) đồng; Trong đó: nợ gốc là 225.720.296 (*Hai trăm hai mươi lăm triệu bảy trăm hai mươi ngàn hai trăm chín mươi sáu*) đồng; nợ lãi quá hạn là 99.999.310 (*Chín mươi chín triệu chín trăm chín mươi chín ngàn ba trăm mười ngàn*) đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm bà D còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong Giấy Đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 06/11/2008, 21/3/2011 và 07/5/2015; bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay.

2. Thời hạn thanh toán: Thanh toán một lần khi bản án có hiệu lực pháp luật.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Lê Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.285.980 đồng (*Mười sáu triệu hai trăm tám mươi lăm ngàn chín trăm tám mươi*) đồng.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí là 6.469.408 (*Sáu triệu bốn trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm lẻ tám*) đồng theo Biên lai thu số 0010494 ngày 11/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank).

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Quyền kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương tín (Sacombank) được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Lê Thị D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. H;
- Viện kiểm sát nhân dân quận T, TP. H;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận T, TP. H;
- Lưu VP, hồ sơ (Tiền).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Hòa